

QUYẾT ĐỊNH

BAN HÀNH QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ; Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Căn cứ Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo, thay thế Quyết định số 05/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 11 tháng 3 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế trường trung học phổ thông chuyên và Quyết định số 14/2003/QĐ-BDG&ĐT ngày 26 tháng 3 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi một số điều trong Quy chế trường trung học phổ thông chuyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường đại học có trường, khối lớp trung học phổ thông chuyên; các Giám đốc sở giáo dục và đào tạo và Hiệu trưởng trường trung học phổ thông chuyên, trường trung học phổ thông chất lượng cao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Tuyên giáo TW;
- Ủy ban VHGD&ĐTNNĐ của QH;
- Công báo;

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

- Website Chính phủ;
- Website Bộ GDĐT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Vụ GDTrH, Vụ PC.

Nguyễn Vinh Hiền

QUY CHẾ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 82 /2008/QĐ-BGDĐT Ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông (THPT) chuyên bao gồm: tổ chức và quản lý; tuyển sinh và hoạt động giáo dục; nhiệm vụ và quyền hạn của cán bộ quản lý, nhiệm vụ và quyền của giáo viên, nhân viên, học sinh.

2. Quy chế này áp dụng đối với trường chuyên cấp THPT thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), các lớp chuyên của trường THPT chất lượng cao xây dựng theo Quyết định số 89/TTg ngày 17 tháng 02 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ và trường chuyên chuyên thuộc các đại học, trường đại học (sau đây gọi chung là trường chuyên).

3. Trường chuyên có trách nhiệm thực hiện Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Điều lệ trường trung học) và quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ của trường chuyên

1. Trường chuyên đào tạo những học sinh đạt kết quả xuất sắc trong rèn luyện, học tập nhằm phát triển năng khiếu về một môn học, hai môn học hoặc một lĩnh vực chuyên trên cơ sở bảo đảm thực hiện mục tiêu toàn diện.

2. Ngoài các nhiệm vụ đã quy định tại Điều lệ trường trung học, trường chuyên còn có các nhiệm vụ sau đây:

a) Bồi dưỡng và phát triển năng khiếu của học sinh về một môn chuyên, hai môn chuyên hoặc một lĩnh vực chuyên; đồng thời bảo đảm thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục cấp THPT với mục tiêu giáo dục toàn diện;

b) Tổ chức hướng dẫn học sinh làm quen với nghiên cứu khoa học, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ phù hợp với điều kiện của trường và tâm sinh lý học sinh;

c) Hợp tác với các cơ sở giáo dục, nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước trong cùng lĩnh vực chuyên môn để phục vụ việc nâng cao chất lượng đào tạo.

Điều 3. Hệ thống trường chuyên và quy mô đào tạo

1. Hệ thống trường chuyên gồm: Trường chuyên thuộc tỉnh và trường chuyên thuộc đại học, trường đại học (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục đại học).

2. Số lượng trường chuyên và số lượng học sinh chuyên:

a) Tùy theo điều kiện cụ thể và nhu cầu của địa phương, mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thể có một hoặc một số trường chuyên với tổng số học sinh chuyên chiếm không quá 0,10% số dân của tỉnh, thành phố đó;

b) Cơ sở giáo dục đại học có chức năng đào tạo giáo viên phổ thông trình độ đại học hoặc cử nhân khoa học cùng lĩnh vực các môn chuyên có thể mở trường chuyên. Mỗi đại học có thể mở một số trường chuyên, mỗi trường đại học có thể mở một trường chuyên với quy mô phù hợp với điều kiện bảo đảm chất lượng.

Điều 4. Chính sách đầu tư các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

1. Trường chuyên được ưu tiên bố trí cán bộ quản lý, giáo viên đủ phẩm chất, năng lực, trang bị cơ sở vật chất, thiết bị tối thiểu theo tiêu chuẩn trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia; được liên kết với các trường chất lượng cao ở trong và ngoài nước, được mời chuyên gia trong và ngoài nước để thỉnh giảng, hướng dẫn nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, học sinh. Sau 5 năm thành lập, trường chuyên phải có ít nhất 30% đội ngũ giáo viên chuyên trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên, không kể giáo viên thỉnh giảng.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ sở giáo dục đại học có trường chuyên có thể quy định bổ sung chính sách ưu tiên đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, chế độ ưu đãi để khuyến khích động viên giáo viên, học sinh chuyên; tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên dạy môn chuyên được đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ở trong nước, ngoài nước. Định mức bố trí kinh phí chi thường xuyên cho trường chuyên ít nhất bằng 200% mức chi cho trường không chuyên cùng cấp học. Sau 3 năm thành lập, trường chuyên phải có đủ hệ thống phòng học bộ môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tất cả các phòng học phải đủ thiết bị cần thiết phục vụ giảng dạy và học tập.

3. Ngoài những chính sách quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, trường chuyên còn được thực hiện các chính sách khác của Nhà nước áp dụng đối với trường trung học phổ thông không chuyên.

Điều 5. Chính sách ưu đãi đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

1. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường chuyên, theo nhiệm vụ được giao, được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của Nhà nước.

2. Học sinh chuyên được hưởng chính sách học bổng khuyến khích học tập. Ngoài việc áp dụng chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ sở giáo dục đại học có trường chuyên có thể quy định bổ sung chế độ học bổng, khen thưởng đối với học sinh đạt kết quả xuất sắc trong học tập, rèn luyện, tham dự các kỳ thi.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Điều 6. Điều kiện thành lập trường chuyên

Ngoài những điều kiện thành lập quy định tại Điều lệ trường trung học, việc thành lập trường chuyên cần phải có các điều kiện sau đây:

1. Có đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đủ phẩm chất, năng lực, trình độ đào tạo từ chuẩn trở lên để quản lý nhà trường, giảng dạy, giáo dục học sinh.

2. Có cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định đối với trường trung học đạt chuẩn quốc gia và phục vụ nhu cầu nội trú cho học sinh.

3. Có nguồn tuyển sinh ổn định.

Điều 7. Thủ tục thành lập trường chuyên

1. Thủ tục thành lập trường chuyên thuộc tỉnh:

Trường chuyên thuộc tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thành lập theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, sau khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp thuận bằng văn bản.

2. Thủ tục thành lập trường chuyên thuộc cơ sở giáo dục đại học:

a) Trường chuyên thuộc một đại học hoặc thuộc một trường đại học thành viên của đại học đó do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở trường chuyên ra quyết định thành lập theo đề nghị của Giám đốc đại học đó, sau khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp thuận bằng văn bản.

b) Trường chuyên thuộc một trường đại học không phải là thành viên của một đại học do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở trường chuyên ra quyết định thành lập theo đề nghị của Hiệu trưởng trường đại học đó, sau khi được Bộ GDĐT chấp thuận bằng văn bản;

3. Cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập trường chuyên thì có quyền giải thể, sáp nhập, chia, tách, đình chỉ hoạt động của trường chuyên theo thủ tục quy định tại Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục.

Điều 8. Cơ quan quản lý trực tiếp trường chuyên

1. Trường chuyên thuộc tỉnh do Sở Giáo dục và Đào tạo trực tiếp quản lý.

2. Trường chuyên thuộc một đại học hoặc một trường đại học thành viên của một đại học đó thì do đại học hoặc trường đại học đó quản lý trực tiếp về công tác tổ chức, đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, tài chính và chịu sự quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo nơi trường đặt trụ sở về thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục, tổ chức thi tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp.

3. Trường chuyên thuộc trường đại học không phải là thành viên của một đại học thì do trường đại học quản lý trực tiếp về công tác tổ chức, đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, tài chính và chịu sự quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo nơi trường đóng trụ sở về thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục, tổ chức thi tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp.

Điều 9. Lớp trong trường chuyên

1. Số lớp chuyên do cơ quan quản lý trực tiếp quyết định trên cơ sở đề nghị của hiệu trưởng trường chuyên. Mỗi lớp chuyên có không quá 35 học sinh.

2. Trường chuyên có thể có các lớp chuyên sau đây:

- a) Chuyên Toán;
- b) Chuyên Tin học;
- c) Chuyên Vật lý;
- d) Chuyên Hoá học;
- đ) Chuyên Sinh học;
- e) Chuyên Ngữ văn;
- g) Chuyên Lịch sử;
- h) Chuyên Địa lý;
- i) Chuyên Ngoại ngữ.

Lớp chuyên có 1 hoặc 2 môn chuyên, kể cả chuyên 2 ngoại ngữ. Việc mở lớp theo lĩnh vực chuyên do cơ quan quản lý trực tiếp trường chuyên quyết định, sau khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp thuận bằng văn bản. Trường chuyên có thể có một số lớp không chuyên, tổng số học sinh không chuyên không quá 20% so với tổng số học sinh của trường.

Điều 10. Quản lý nội trú trong trường chuyên

Trường chuyên được đầu tư xây dựng ký túc xá cho học sinh có nhu cầu nội trú (nhà ở, nhà bếp, nhà ăn) và tạo điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất để tổ chức quản lý nội trú, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, chăm sóc sức khỏe.

Chương III

TUYỂN SINH VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Điều 11. Tuyển sinh vào lớp đầu cấp

1. Kế hoạch tuyển sinh:

a) Đối với trường chuyên thuộc tỉnh: Chậm nhất vào ngày 30 tháng 4 hằng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo lập kế hoạch tuyển sinh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

b) Đối với trường chuyên thuộc cơ sở giáo dục đại học: Chậm nhất vào ngày 30 tháng 4 hằng năm, Hiệu trưởng trường chuyên lập kế hoạch tuyển sinh trình người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học quản lý trực tiếp phê duyệt.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh và địa bàn tuyển sinh:

a) Trường chuyên thuộc tỉnh chỉ tuyển học sinh có hộ khẩu thường trú trong địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; việc tuyển sinh từ địa phương khác phải được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố đó;

b) Trường chuyên thuộc cơ sở giáo dục đại học tuyển học sinh trong cả nước.

3. Phương thức tuyển sinh là thi tuyển. Chậm nhất trước ngày thi tuyển 60 ngày, cơ quan trực tiếp quản lý trường chuyên thông báo tuyển sinh rộng rãi bằng văn bản đến các cơ quan quản lý giáo dục, các trường học có đối tượng dự thi và thông báo qua các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Môn thi và đề thi:

a) Môn thi: Toán, Ngữ văn, 1 hoặc 2 môn chuyên và môn Ngoại ngữ; đối với các địa phương chưa đủ điều kiện có thể chưa thi môn Ngoại ngữ khi tuyển sinh môn chuyên khác. Nếu môn chuyên là Toán, Ngữ văn hoặc một trong các Ngoại ngữ thì mỗi môn phải thi 2 bài: Một bài thi không chuyên và một bài thi chuyên với mức độ khó hơn;

b) Đề thi: Có thể ra đề thi bằng hình thức tự luận hoặc hình thức trắc nghiệm khách quan hoặc kết hợp cả hình thức tự luận với trắc nghiệm khách quan.

5. Thang điểm thi và hệ số điểm bài thi:

a) Điểm bài thi tính theo thang điểm 10, nếu chấm bài thi theo thang điểm khác thì kết quả điểm các bài thi phải quy đổi ra thang điểm 10;

b) Hệ số điểm bài thi:

- Tuyển sinh lớp chuyên: Điểm bài thi không chuyên tính hệ số 1; điểm bài thi chuyên tính hệ số 2.

- Tuyển sinh lớp không chuyên: Chỉ tính điểm các bài thi không chuyên với hệ số điểm bài thi quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 của Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh THPT ban hành kèm theo Quyết định số 12/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/4/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Thời gian làm bài thi:

a) Thời gian làm bài thi không chuyên: Toán, Ngữ văn là 120 phút, Ngoại ngữ là 90 phút;

b) Thời gian làm bài thi chuyên: Môn Hóa học và môn Ngoại ngữ là 120 phút, các môn khác là 150 phút.

7. Đối tượng, hồ sơ dự tuyển và điều kiện dự tuyển:

Ngoài quy định về đối tượng, hồ sơ dự tuyển, điều kiện dự tuyển tại Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh THPT hiện hành, học sinh đăng ký dự tuyển vào trường chuyên còn phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Nếu đăng ký môn chuyên là Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Ngoại ngữ thì các môn học này phải đạt điểm trung bình cả năm lớp 9 từ 7,0 trở lên; đối với các môn chuyên khác thì phải đạt điểm trung bình các môn học này cả năm lớp 9 từ 8,0 trở lên. Nếu học sinh chưa hoàn thành chương trình môn Tin học ở cấp trung học cơ sở thì môn chuyên này lấy điểm môn Toán thay thế, nếu học sinh đã hoàn thành chương trình môn này thì thực hiện như các môn chuyên khác;

b) Hạnh kiểm xếp loại tốt và học lực xếp loại từ loại khá trở lên vào cuối năm học lớp 9 và xếp loại tốt nghiệp trung học cơ sở từ khá trở lên.

8. Điểm khuyến khích: Học sinh đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn học lớp 9 cấp tỉnh; kỳ thi tài năng do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc tham gia tổ chức theo khu vực một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc trong phạm vi toàn quốc; kỳ thi khu vực một số nước; kỳ thi quốc tế thì được cộng điểm khi tuyển vào lớp 10 chuyên nếu môn

đạt giải là môn chuyên, một trong hai môn chuyên hoặc thuộc lĩnh vực chuyên mà học sinh đăng kí dự thi. Mức điểm cộng thêm tương ứng với mỗi loại giải thưởng kỳ thi như sau:

a) Giải nhất: 2,0 điểm;

b) Giải nhì: 1,5 điểm;

c) Giải ba: 1,0 điểm.

9. Điều kiện trúng tuyển:

a) Điểm xét tuyển vào lớp 10 chuyên:

$$= \frac{\text{Tổng điểm các bài thi (đã tính hệ số)} + \text{điểm khuyến khích (nếu có)}}{\text{Tổng các hệ số bài thi}}$$

b) Điểm xét tuyển vào lớp 10 không chuyên: Căn cứ điểm thi tính theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều này, tuyển từ điểm cao xuống thấp trong số thí sinh còn lại sau khi đã xét tuyển vào lớp chuyên.

c) Điểm xét tuyển vào lớp 10, kể cả lớp chuyên và không chuyên, làm tròn đến chữ số thập phân thứ hai.

10. Nguyên tắc và điều kiện xét tuyển:

a) Chỉ xét tuyển đối với thí sinh đủ điều kiện dự tuyển, dự thi đủ các bài thi, không vi phạm Quy chế trong kỳ thi tuyển sinh và có đủ các điều kiện sau đây:

- Đối với lớp chuyên: Không có bài thi nào có điểm dưới 4,0; điểm thi môn chuyên phải đạt từ 6,0 trở lên;

- Đối với lớp không chuyên: Không có bài thi nào bị điểm dưới 2,0.

b) Xét tuyển từ điểm cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu được giao. Xét riêng cho từng khối lớp chuyên trước; sau đó xét tuyển các lớp không chuyên.

c) Trong trường hợp không tuyển hết những thí sinh có điểm xét tuyển ngang nhau thì tuyển chọn học sinh theo thứ tự sau đây:

- Có điểm thi môn chuyên cao hơn;

- Có điểm trung bình hoặc tổng số điểm trung bình 2 môn chuyên cuối năm học lớp 9 cao hơn;

- Có điểm trung bình các môn học cuối năm học lớp 9 cao hơn;

- Có tổng điểm trung bình môn dự thi vào chuyên của các lớp đã học ở cấp THCS cao hơn.

11. Duyệt danh sách trúng tuyển:

Người đứng đầu cơ quan quản lý trực tiếp trường chuyên duyệt danh sách học sinh trúng tuyển vào lớp chuyên và lớp không chuyên của trường chuyên.

12. Phúc khảo:

a) Đối tượng và điều kiện phúc khảo bài thi: Học sinh đã dự thi đủ các bài thi theo quy định, nộp đơn đề nghị phúc khảo đúng quy định;

b) Đơn đề nghị phúc khảo bài thi gửi đến trường chuyên;

c) Thời hạn nộp đơn xin phúc khảo điểm bài thi là 15 ngày, kể từ ngày công bố kết quả thi tuyển sinh tại trường chuyên.

d) Xử lý điểm phúc khảo bài thi:

- Nếu bài thi bị cộng nhầm hoặc ghi nhầm điểm thì Hội đồng Phúc khảo phải chữa lại cho đúng, Chủ tịch Hội đồng phải ký xác nhận sự sửa chữa;

- Nếu điểm phúc khảo bài thi chênh lệch so với điểm chấm lần đầu (sau đây gọi là sơ khảo) từ 1,0 điểm trở lên, phải tổ chức đối thoại giữa cặp chấm phúc khảo với cặp chấm sơ khảo. Nếu 2 cặp chấm không đạt được sự thống nhất về điểm bài thi thì Chủ tịch Hội đồng Phúc khảo trình Giám đốc sở giáo dục và đào tạo xem xét, quyết định điểm bài thi sau khi tham khảo ý kiến các cơ quan chuyên môn thuộc sở giáo dục và đào tạo. Biên bản đối thoại phải có đủ chữ ký của 2 cặp chấm và ý kiến kết luận kèm theo chữ ký của Chủ tịch Hội đồng. Hội đồng Phúc khảo chỉ điều chỉnh điểm bài thi theo điểm phúc khảo khi điểm phúc khảo chênh lệch so với điểm sơ khảo từ 1,0 điểm trở lên;

e) Chậm nhất sau 10 ngày, kể từ ngày hết hạn thí sinh nộp đơn đề nghị phúc khảo, Hội đồng Phúc khảo phải công bố công khai kết quả phúc khảo. Điểm phúc khảo bài thi (nếu có) được lấy thay thế điểm sơ khảo để xét tuyển.

13. Tổ chức ra đề thi, coi thi, chấm thi sơ khảo, phúc khảo:

a) Người đứng đầu cơ quan quản lý trực tiếp trường chuyên ra quyết định thành lập các hội đồng ra đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo;

b) Ngoài các quy định của Quy chế này về ra đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo, các công tác khác về tuyển sinh thực hiện theo Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông hiện hành.

14. Báo cáo kết quả thi tuyển sinh:

Chậm nhất vào ngày 25 tháng 8 hằng năm, cơ quan quản lý trực tiếp trường chuyên báo cáo kết quả tuyển sinh với Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hồ sơ báo cáo gồm có:

a) Thông báo kỳ tuyển sinh vừa tổ chức;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền về phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh mới;

c) Danh sách học sinh trúng tuyển vào lớp chuyên và không chuyên; danh sách học sinh đã tuyển bổ sung và chuyển ra khỏi lớp chuyên trong năm học trước theo từng môn chuyên, ghi rõ điểm bài thi, điểm xét tuyển của học sinh;

d) Báo cáo tổng kết kỳ thi tuyển sinh.

Điều 12. Tuyển bổ sung lớp chuyên, chuyển học sinh ra khỏi lớp chuyên

1. Trường chuyên chỉ tuyển bổ sung học sinh chuyên và tổ chức thi tuyển bổ sung cho các lớp chuyên còn dưới 30 học sinh. Việc tuyển bổ sung chỉ tiến hành trong học kỳ 2 lớp 10 hoặc trong năm học lớp 11.

2. Người đứng đầu cơ quan quản lý trực tiếp trường chuyên quyết định việc tuyển bổ sung hoặc không tuyển bổ sung vào lớp chuyên trên cơ sở đề nghị của hiệu trưởng trường chuyên.

3. Đối tượng và điều kiện dự thi tuyển bổ sung:

a) Đối tượng dự thi: Học sinh đang học học kỳ 2 lớp 10 và đang học lớp 11 không chuyên của trường chuyên đó hoặc của các trường THPT khác trên địa bàn tuyển sinh quy định tại khoản 2 Điều 11 Quy chế này;

b) Điều kiện dự thi: Môn dự thi vào chuyên đạt điểm trung bình học kỳ 1, điểm trung bình cả năm từ 8,0 trở lên đối với môn Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học; từ 7,5 trở lên đối với các môn còn lại, được xếp loại hạnh kiểm tốt, học lực giỏi ở học kỳ 1, cả năm học. Tùy theo thời điểm thi tuyển bổ sung, điều kiện dự thi quy định như sau:

- Nếu thi tuyển bổ sung trong học kỳ 2 lớp 10 thì căn cứ kết quả xếp loại học kỳ 1 lớp 10;

- Nếu thi tuyển bổ sung sau khi học xong lớp 10, đang học học kỳ 1 lớp 11 thì căn cứ kết quả xếp loại cả năm lớp 10;

- Nếu thi tuyển bổ sung trong học kỳ 2 lớp 11 thì căn cứ kết quả xếp loại cả năm lớp 10 và học kỳ 1 lớp 11.

4. Môn thi tuyển bổ sung là môn chuyên. Học sinh được xét tuyển bổ sung nếu điểm thi tuyển bổ sung mỗi môn chuyên đạt từ 7,0 trở lên. Xét tuyển từ điểm cao xuống thấp đến đủ số học sinh cần tuyển. Nếu có trường hợp điểm thi bằng nhau thì xét đến điểm trung bình môn thi chuyên học kỳ 1, cuối năm học quy định tại điểm b khoản 4 Điều này, xét từ điểm cao xuống thấp, nếu vẫn còn điểm bằng nhau thì xét tiếp điểm trung bình các môn học.

5. Ngày thi tuyển bổ sung, các quy định về làm đề thi, tổ chức coi thi, chấm thi do Sở GDĐT, người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học trực tiếp quản lý trường chuyên quyết định theo Quy chế này.

6. Khi thi tuyển bổ sung lớp chuyên, việc phúc khảo thực hiện như quy định đối với tuyển sinh lần đầu.

7. Học sinh chuyên phải chuyển sang lớp không chuyên của trường đó hoặc trường THPT khác sau khi xếp loại kết quả rèn luyện, học tập cả năm lớp 10, lớp 11, nếu kết quả cả năm học đó thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Phải lưu ban;
- b) Xếp loại hạnh kiểm trung bình;
- c) Xếp loại học lực trung bình;
- d) Điểm trung bình môn chuyên hoặc một trong các môn chuyên dưới 6,5.

Điều 13. Chương trình và kế hoạch giáo dục

1. Các lớp chuyên thực hiện chương trình nâng cao của môn chuyên và chương trình dạy học chuyên sâu do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, các môn còn lại thực hiện chương trình chuẩn. Các lớp không chuyên thực hiện chương trình như các trường THPT không chuyên.

2. Các lớp chuyên bố trí kế hoạch học tập nhiều hơn 6 buổi, không quá 42 tiết mỗi tuần, thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, tăng cường rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng hoạt động xã hội cho học sinh, nâng cao chất lượng học tập các môn Ngoại ngữ, Tin học cho học sinh chuyên.

3. Ngoài các hoạt động quy định tại Điều lệ trường trung học, trường chuyên tăng cường hoạt động chuyên môn, nghiên cứu khoa học, hoạt động xã hội và mở mang hiểu biết về kinh tế - xã hội cho học sinh.

Điều 14. Đánh giá, xếp loại, xét lên lớp và thi tốt nghiệp

1. Việc kiểm tra, cho điểm, thực hiện theo quy định tại Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành.

2. Việc xếp loại học lực, xếp loại hạnh kiểm, xét lên lớp, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp, nội dung thi và văn bằng tốt nghiệp đối với học sinh chuyên thực hiện như quy định đối với học sinh THPT không chuyên.

Điều 15. Chuyển học sinh chuyên sang trường khác

Việc chuyển học sinh chuyên sang trường khác phải bảo đảm các thủ tục như quy định đối với học sinh không chuyên, nếu chuyển đến lớp chuyên của trường chuyên khác thì phải thực hiện quy định sau đây:

1. Nếu trường chuyển đi và trường chuyển đến đã tiến hành tuyển sinh bằng kỳ thi chung (chung đề thi, sử dụng cùng một hướng dẫn chấm thi) thì điều kiện chuyển trường của học sinh chuyên là phải đủ tiêu chuẩn tuyển sinh chuyên năm đó của trường chuyển đến.

2. Nếu trường chuyển đi và trường chuyển đến không tuyển sinh bằng kỳ thi chung (chung đề thi, sử dụng cùng một hướng dẫn chấm thi), học sinh chuyên chỉ được tiếp nhận vào học lớp cùng môn chuyên ở trường chuyên khác khi đạt yêu cầu qua thi tuyển bổ sung theo quy định tại Quy chế này.

Chương IV

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN, HỌC SINH

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

1. Quản lý, sử dụng có hiệu quả kinh phí, cơ sở vật chất; phát huy thế mạnh về năng lực của đội ngũ giáo viên, bảo đảm chất lượng cao trong giảng dạy, học tập các môn học và các hoạt động giáo dục, đặc biệt là các môn chuyên.

2. Có quyền đề xuất với cơ quan có thẩm quyền trong việc tuyển dụng, tiếp nhận, cử giáo viên đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước, ngoài nước và đề nghị chuyển những giáo viên, nhân viên không đáp ứng yêu cầu công tác tại trường chuyên; đề nghị cơ quan quản lý trực tiếp chuẩn y việc mời giáo viên thỉnh giảng trong và ngoài nước.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền của giáo viên, nhân viên

1. Đối với giáo viên môn chuyên của trường chuyên, ngoài nhiệm vụ và quyền của giáo viên quy định tại Điều lệ trường trung học còn có các nhiệm vụ và quyền sau đây:

a) Bồi dưỡng và phát triển năng khiếu cho học sinh về môn chuyên; tổ chức hướng dẫn học sinh chuyên làm quen với hoạt động nghiên cứu khoa học phù hợp với trình độ và tâm sinh lý học sinh;

b) Tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức (trong đó coi trọng giáo dục kỹ năng sống), thể chất, thẩm mỹ cho học sinh theo mục tiêu giáo dục toàn diện;

c) Tham dự bồi dưỡng chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm với các cơ sở giáo dục, cơ quan nghiên cứu khoa học trong nước và ngoài nước;

d) Tổng kết kinh nghiệm, nghiên cứu các đề tài khoa học về phát hiện học sinh có năng khiếu, về giảng dạy, hướng dẫn học sinh làm quen với hoạt động nghiên cứu khoa học và giáo dục đạo đức, thể chất, thẩm mỹ cho học sinh.

2. Giáo viên các môn không chuyên có nhiệm vụ và quyền theo quy định tại Điều lệ trường trung học.

3. Giáo viên trường chuyên được hưởng chế độ phụ cấp, các chính sách khác đối với giáo viên các trường THPT không chuyên và các chế độ ưu đãi quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy chế này.

4. Nhân viên phải phấn đấu nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đào tạo chất lượng cao của trường chuyên.

Điều 18. Nhiệm vụ và quyền của học sinh

Ngoài các nhiệm vụ và quyền quy định tại Điều lệ nhà trường, học sinh chuyên có các nhiệm vụ và quyền sau đây :

1. Có trách nhiệm tham gia các kỳ thi, hội thi, hoạt động văn hóa, xã hội và nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của nhà trường.

2. Được tạo điều kiện nội trú khi có nhu cầu; được cấp học bổng, trợ cấp và miễn giảm học phí theo quy định tại Điều 33 của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; học sinh rèn luyện đạo đức tốt, học tập xuất sắc thì được khen thưởng theo quy định của Nhà nước.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 19. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích đóng góp cho sự nghiệp giáo dục toàn diện của trường chuyên thì được khen thưởng theo quy định của Nhà nước.

Điều 20. Xử lý vi phạm

Khi trường chuyên không bảo đảm chất lượng giáo dục, không có đủ các điều kiện tối thiểu bảo đảm chất lượng giáo dục toàn diện chất lượng cao hoặc vi phạm pháp luật, vi phạm các quy định tại Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ sở giáo dục đại học quản lý trường có trách nhiệm quyết định hoặc đề nghị với cơ quan có thẩm quyền quyết định:

1. Tạm ngừng tuyển sinh lớp chuyên.
2. Chuyển thành trường THPT không chuyên hoặc giải thể trường.
3. Xử lý theo quy định của pháp luật các tổ chức, cá nhân có hành vi sai phạm.